TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bán án số: 16/2020/HNGĐ - ST
Ngày 20-02-2020

"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các *Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Thanh Việt

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 775/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 41/4A, khóm Tân Phú, phường Mỹ Q, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 41/4A, khóm Tân Phú, phường Mỹ Q, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T do quen biết nhau trước cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2005 tại UBND phường Mỹ P thành phố Long Xuyên, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên mâu thuẫn kéo dài mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không được và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trí T, sinh ngày 14/01/2006 và Nguyễn Trí T, sinh ngày 28/3/2014. Hiện các con đang sống với chị T, khi ly hôn bà xin được nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng nhưng mâu thuẫn này không trầm trọng và ông T muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho các con và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trí T, sinh ngày 14/01/2006 và Nguyễn Trí T, sinh ngày 28/3/2014. Hiện các con đang sống với chị T. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh T đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi hai con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

* Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T, vì cả hai có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn; Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Nguyễn Chí T xin được hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng đét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn Phạm Thị Thanh T và bị đơn Nguyễn Chí T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Chí T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ Q, thành phố Long Xuyên nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống chị T cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong đời sống vợ chồng, tính tình không phù hợp nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn. Riêng, anh T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ xuất phát từ trong sinh hoạt gia đình và về kinh tế nên vợ chồng có xảy ra cự cãi, nhưng không trầm trọng đến mức ly hôn, anh T yêu cầu được đoàn tựu với chị T để hàn gắn quan hệ vợ chồng cùng nhau lo cho con.

Xem xét ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho cuộc hôn nhân hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị T và anh Th là hôn nhân tự nguyện nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không cố gắng xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường hay bất hòa dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong qua trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, hòa giải tạo điều kiện về thời gian để anh T và chị T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Mỗi người chỉ lo cho cuộc sống cá nhân mà không có tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng của anh chị không thể hàn gắn nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Việc anh T không đồng ý ly hôn và xin hàn gắn tình cảm vợ chồng chỉ là lời trình bày của anh chứ anh không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 51,

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trí T, sinh ngày 14/01/2006 và Nguyễn Trí T, sinh ngày 28/3/2014, hiện hai con đang sống với chị T và chị T yêu cầu được nuôi hai con chung. Qua xem xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai con chung do chị T nuôi dưỡng và các cháu đều phát triển bình thường về tâm sinh lý do đó để ổn định cuộc sống của các cháu và ý kiến của anh T cũng đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung nên yêu cầu này của chị T là phù hợp với với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Bên cạnh được quyền nuôi con thì chị T cùng các thành viên gia đình chị T không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh T và anh Nguyễn Chí T.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trí T, sinh ngày 14/01/2006 và Nguyễn Trí T, sinh ngày 28/3/2014.

Giao cháu Nguyễn Trí Tn, sinh ngày 14/01/2006 và Nguyễn Trí T, sinh ngày 28/3/2014 cho chị Phạm Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T cùng các thành viên gia đình của chị T không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005896 ngày 13/12/2019, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Phước;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền